

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THAM GIA BHYT ĐỐI TƯỢNG HS CÁC ĐƠN VỊ THUỘC PHÒNG GIÁO DỤC QUẢN LÝ
NĂM HỌC 2016 - 2017 (số liệu đến ngày 12_04_2017)

Stt	Tên đơn vị	Mã ĐV	Tổng số HS đang quản lý	HS tham gia	HS có thẻ khác	Tổng số HS có thẻ BHYT	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Trường Bồi Dưỡng Giáo Dục	BD0074Q	417	94	5	99	23.74%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
2	Trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật H. Cù Chi	BD0067Q	107	34	0	34	31.78%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
3	Trường THCS Phú Mỹ Hưng	BD0037Q	418	149	0	149	35.65%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
4	Trường Tiểu Học An Phú 2	BD0071Q	604	301	2	303	50.17%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
5	Trường THCS An Phú	BD0065Q	495	217	33	250	50.51%	
6	Trường THCS Hòa Phú	BD0032Q	866	462	19	481	55.54%	
7	Trường THCS Phạm Văn Cội	BD0053Q	634	350	6	356	56.15%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
8	Trường THCS Tân Thông Hội	BD0047Q	1,326	746	0	746	56.26%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
9	Trường Tiểu Học Phú Mỹ Hưng	BD0022Q	577	338	10	348	60.31%	
10	Trường THCS An Nhơn Tây	BD0007Q	1,077	646	5	651	60.45%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
11	Trường THCS Phú Hòa Đông	BD0041Q	1,224	743	9	752	61.44%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
12	Trường THCS Trung An	BD0076Q	847	530	0	530	62.57%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
13	Trường Tiểu Học Bình Mỹ	BD0033Q	496	314	0	314	63.31%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
14	Trường Tiểu Học An Nhơn Đông	BD0051Q	716	458	0	458	63.97%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
15	Trường Tiểu Học An Phú 1	BD0060Q	448	287	0	287	64.06%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
16	Trường Tiểu Học Trung An	BD0068Q	1,533	990	0	990	64.58%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
17	Trường Tiểu Học Phạm Văn Cội	BD0021Q	1,022	652	14	666	65.17%	
18	Trường Tiểu Học Phú Hòa Đông	BD0042Q	1,318	880	0	880	66.77%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
19	Trường Tiểu Học An Nhơn Tây	BD0004Q	702	475	0	475	67.66%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
20	Trường Tiểu Học Trần Văn Châm	BD0001Q	760	512	4	516	67.89%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
21	Trường THCS Bình Hòa	BD0057Q	1,106	754	7	761	68.81%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
22	Trường THCS Tân Thạnh Tây	BD0075Q	784	547	0	547	69.77%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
23	Trường THCS Trung Lập Hạ	BD0029Q	499	348	11	359	71.94%	
24	Trường Tiểu Học Tân Tiến	BD0063Q	1,253	888	17	905	72.23%	
25	Trường THCS Phước Vĩnh An	BD0009Q	864	596	35	631	73.03%	
26	Trường Tiểu Học Tân Phú Trung	BD0003Q	2,007	1,509	0	1,509	75.19%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
27	Trường Tiểu Học Phước Vĩnh An	BD0048Q	618	420	50	470	76.05%	
28	Trường Tiểu Học Hòa Phú	BD0066Q	1,375	1,048	2	1,050	76.36%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
29	Trường THCS Nhuận Đức	BD0038Q	427	327	0	327	76.58%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
30	Trường Tiểu Học Tân Thông	BD0073Q	1,341	1,036	0	1,036	77.26%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
31	Trường THCS Phước Hiệp	BD0072Q	625	483	0	483	77.28%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
32	Trường Tiểu Học Lê Văn Thế	BD0019Q	567	437	5	442	77.95%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
33	Trường Tiểu Học Nhuận Đức 2	BD0059Q	363	282	1	283	77.96%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THAM GIA BHYT ĐỐI TƯỢNG HS CÁC ĐƠN VỊ THUỘC PHÒNG GIÁO DỤC QUẢN LÝ
NĂM HỌC 2016 - 2017 (số liệu đến ngày 12_04_2017)

Stt	Tên đơn vị	Mã ĐV	Tổng số HS đang quản lý	HS tham gia	HS có thẻ khác	Tổng số HS có thẻ BHYT	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Trường Bồi Dưỡng Giáo Dục	BD0074Q	417	94	5	99	23.74%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
2	Trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật H. Cù Chi	BD0067Q	107	34	0	34	31.78%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
3	Trường THCS Phú Mỹ Hưng	BD0037Q	418	149	0	149	35.65%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
4	Trường Tiểu Học An Phú 2	BD0071Q	604	301	2	303	50.17%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
5	Trường THCS An Phú	BD0065Q	495	217	33	250	50.51%	
6	Trường THCS Hòa Phú	BD0032Q	866	462	19	481	55.54%	
7	Trường THCS Phạm Văn Cội	BD0053Q	634	350	6	356	56.15%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
8	Trường THCS Tân Thông Hội	BD0047Q	1,326	746	0	746	56.26%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
9	Trường Tiểu Học Phú Mỹ Hưng	BD0022Q	577	338	10	348	60.31%	
10	Trường THCS An Nhơn Tây	BD0007Q	1,077	646	5	651	60.45%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
11	Trường THCS Phú Hòa Đông	BD0041Q	1,224	743	9	752	61.44%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
12	Trường THCS Trung An	BD0076Q	847	530	0	530	62.57%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
13	Trường Tiểu Học Bình Mỹ	BD0033Q	496	314	0	314	63.31%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
14	Trường Tiểu Học An Nhơn Đông	BD0051Q	716	458	0	458	63.97%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
15	Trường Tiểu Học An Phú 1	BD0060Q	448	287	0	287	64.06%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
16	Trường Tiểu Học Trung An	BD0068Q	1,533	990	0	990	64.58%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
17	Trường Tiểu Học Phạm Văn Cội	BD0021Q	1,022	652	14	666	65.17%	
18	Trường Tiểu Học Phú Hòa Đông	BD0042Q	1,318	880	0	880	66.77%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
19	Trường Tiểu Học An Nhơn Tây	BD0004Q	702	475	0	475	67.66%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
20	Trường Tiểu Học Trần Văn Châm	BD0001Q	760	512	4	516	67.89%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
21	Trường THCS Bình Hòa	BD0057Q	1,106	754	7	761	68.81%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
22	Trường THCS Tân Thạnh Tây	BD0075Q	784	547	0	547	69.77%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
23	Trường THCS Trung Lập Hạ	BD0029Q	499	348	11	359	71.94%	
24	Trường Tiểu Học Tân Tiến	BD0063Q	1,253	888	17	905	72.23%	
25	Trường THCS Phước Vĩnh An	BD0009Q	864	596	35	631	73.03%	
26	Trường Tiểu Học Tân Phú Trung	BD0003Q	2,007	1,509	0	1,509	75.19%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
27	Trường Tiểu Học Phước Vĩnh An	BD0048Q	618	420	50	470	76.05%	
28	Trường Tiểu Học Hòa Phú	BD0066Q	1,375	1,048	2	1,050	76.36%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
29	Trường THCS Nhuận Đức	BD0038Q	427	327	0	327	76.58%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
30	Trường Tiểu Học Tân Thông	BD0073Q	1,341	1,036	0	1,036	77.26%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
31	Trường THCS Phước Hiệp	BD0072Q	625	483	0	483	77.28%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
32	Trường Tiểu Học Lê Văn Thế	BD0019Q	567	437	5	442	77.95%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
33	Trường Tiểu Học Nhuận Đức 2	BD0059Q	363	282	1	283	77.96%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ

Stt	Tên đơn vị	Mã ĐV	Tổng số HS đang quản lý	HS tham gia	HS có thẻ khác	Tổng số HS có thẻ BHYT	Tỷ lệ	Ghi chú
34	Trường THCS Tân Phú Trung	BD0049Q	2,266	1,778	0	1,778	78.46%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
35	Trường THCS Tân Tiến	BD0017Q	819	646	3	649	79.24%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
36	Trường Tiểu Học An Phước	BD0025Q	492	393	0	393	79.88%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
37	Trường Tiểu Học Thái Mỹ	BD0050Q	1,060	852	0	852	80.38%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
38	Trường THCS Nguyễn Văn Xơ	BD0035Q	740	598	0	598	80.81%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
39	Trường THCS Phước Thạnh	BD0008Q	980	793	0	793	80.92%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
40	Trường Tiểu Học Nhuận Đức	BD0034Q	317	248	9	257	81.07%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
41	Trường Tiểu Học Bình Mỹ 2	BD0002Q	1,022	837	0	837	81.90%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
42	Trường THCS Trung Lập	BD0062Q	910	721	25	746	81.98%	
43	Trường THCS Tân Thạnh Đông	BD0027Q	2,428	1,977	35	2,012	82.87%	
44	Trường Tiểu Học Phước Hiệp	BD0023Q	838	681	24	705	84.13%	
45	Trường Tiểu Học Trung Lập Hạ	BD0006Q	554	468	0	468	84.48%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
46	Trường Tiểu Học Tân Thông Hội	BD0036Q	600	495	12	507	84.50%	
47	Trường Tiểu Học Tân Thạnh Tây	BD0045Q	1,171	992	3	995	84.97%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
48	Trường TH Tân Thạnh Đông 3	BD0015Q	1,136	967	0	967	85.12%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
49	Trường Tiểu Học Phước Thạnh	BD0024Q	963	824	0	824	85.57%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
50	Trường Tiểu Học Phú Hòa Đông 2	BD0026Q	566	478	8	486	85.87%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
51	Trường Tiểu Học Tân Phú	BD0030Q	1,634	1,411	6	1,417	86.72%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
52	Trường THCS Tân An Hội	BD0077Q	729	632	7	639	87.65%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
53	Trường Tiểu Học Thị Trấn Củ Chi	BD0039Q	1,659	1,455	6	1,461	88.07%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
54	Trường Tiểu Học Nguyễn Văn Lịch	BD0061Q	661	566	17	583	88.20%	
55	Trường THCS Thị Trấn	BD0052Q	787	695	0	695	88.31%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
56	Trường Tiểu Học Tân Thạnh Đông 2	BD0044Q	1,273	1,130	11	1,141	89.63%	
57	Trường Tiểu Học Trung Lập Thượng	BD0005Q	402	355	6	361	89.80%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
58	Trường Tiểu Học Liên Trung	BD0018Q	355	315	4	319	89.86%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
59	Trường Tiểu Học Tân Thành	BD0020Q	1,129	898	117	1,015	89.90%	
60	Trường Tiểu Học Liên Minh CNông	BD0031Q	834	750	0	750	89.93%	không cung cấp thẻ đối tượng khác
61	Trường THCS Thị Trấn 2	BD0058Q	1,507	1,254	126	1,380	91.57%	
62	Trường Tiểu Học Lê Thị Pha	BD0011Q	546	483	21	504	92.31%	
63	Trường Tiểu Học Thị Trấn Củ Chi 2	BD0040Q	408	376	9	385	94.36%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
64	Trường Tiểu Học Tân Thạnh Đông	BD0043Q	1,044	1,000	7	1,007	96.46%	Thẻ khác cung cấp chưa đầy đủ
CỘNG			57,246	42,921	691	43,612	76.18%	

Lập biểu


Nguyễn Văn Chính

Ngày 11 tháng 4 năm 2017

GIÁM ĐỐC




PHÓ GIÁM ĐỐC
Đào Anh Kiệt